

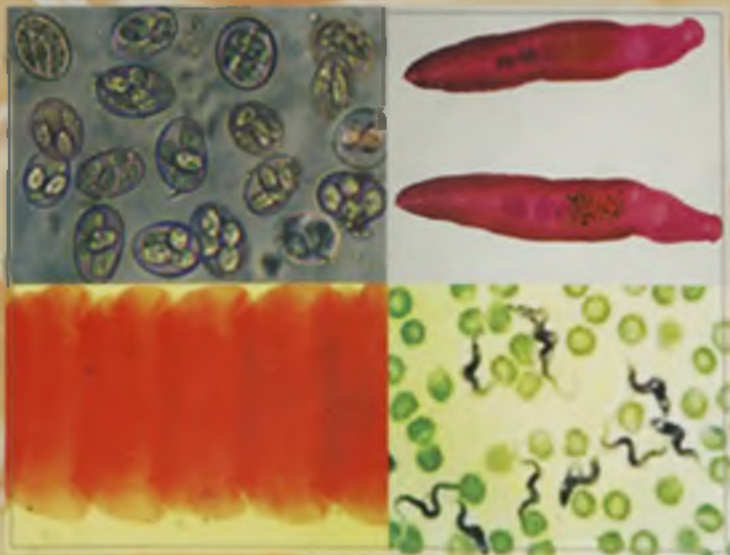
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Lan (Chủ biên)

# NHỮNG BỆNH KÝ SINH TRÙNG PHỔ BIẾN

## Ở GIA CẦM, LỢN VÀ LOÀI NHAI LẠI VIỆT NAM

SÁCH CHUYÊN KHẢO DÙNG CHO ĐẠO TẠO SAU ĐẠI HỌC



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÁI NGUYÊN**

---

**PGS. TS. NGUYỄN THỊ KIM LAN**

**NHỮNG BỆNH KÝ SINH TRÙNG PHỔ BIẾN  
Ở GIA CẦM, LỢN VÀ LOÀI NHAI LẠI  
VIỆT NAM**

*(Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học)*

**NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP  
HÀ NỘI - 2011**



## MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Mở đầu	7
<b>Chương 1. Bệnh ký sinh trùng thường gặp ở gia cầm</b>	<b>9</b>
<b>BỆNH GIUN TRÒN Ở GÀ (<i>Avian nematodosis</i>)</b>	<b>9</b>
1. Giun tròn ký sinh ở gà	9
2. Bệnh giun tròn ở gà	20
Tài liệu tham khảo	32
<b>BỆNH SÁN DÂY Ở GÀ (<i>Avian cestodosis</i>)</b>	<b>35</b>
1. Sán dây ký sinh ở gà	35
2. Bệnh sán dây ở gà	45
Tài liệu tham khảo	57
<b>BỆNH SÁN LÁ RUỘT Ở VỊT</b>	<b>59</b>
1. Sán lá ký sinh ở ruột vịt	59
2. Bệnh sán lá ruột ở vịt	69
Tài liệu tham khảo	79
<b>BỆNH CẦU TRÙNG GÀ (<i>Avian coccidiosis</i>)</b>	<b>82</b>
1. Cầu trùng ký sinh ở gà	82
2. Bệnh cầu trùng gà	88
Tài liệu tham khảo	100
<b>Chương 2. Bệnh ký sinh trùng thường gặp ở lợn</b>	<b>103</b>
<b>BỆNH GIUN ĐŨA LỢN (<i>Ascariosis</i>)</b>	<b>103</b>
1. Giun đũa <i>Ascaris suum</i> ký sinh ở lợn	103
2. Bệnh giun đũa lợn	111
Tài liệu tham khảo	124
<b>BỆNH GIUN LƯƠN Ở LỢN (<i>Strongylosis</i>)</b>	<b>128</b>
1. Giun lươn ký sinh ở lợn	128
2. Bệnh giun lươn ở lợn	135
Tài liệu tham khảo	147
<b>BỆNH GIUN TÓC LỢN (<i>Trichocephalosis</i>)</b>	<b>149</b>
1. Giun tóc ký sinh ở lợn	149
2. Bệnh giun tóc ở lợn	153
Tài liệu tham khảo	173

<b>BỆNH SÁN LÁ RUỘT LỢN (<i>Fasciolopsis</i>)</b>	<b>176</b>
1. Sán lá <i>Fasciolopsis buski</i> ký sinh ở lợn	176
2. Bệnh sán lá ruột ở lợn	182
Tài liệu tham khảo	187
<b>BỆNH CẦU TRÙNG LỢN (<i>Swine coccidiosis</i>)</b>	<b>190</b>
1. Cầu trùng ký sinh ở lợn	190
2. Bệnh cầu trùng lợn	199
Tài liệu tham khảo	214
<b>Chương 3 BỆNH KÝ SINH TRÙNG THƯỜNG GẶP Ở TRÂU, BÒ, DÊ</b>	<b>231</b>
<b>BỆNH GIUN XOĂN DẠ MÚI KHẾ (<i>Trichostrongylidosis</i>)</b>	<b>231</b>
1. Giun xoắn dạ múi khế ký sinh ở gia súc nhai lại	231
2. Bệnh giun xoắn dạ múi khế	241
Tài liệu tham khảo	264
<b>BỆNH SÁN DÂY <i>MONIEZIA</i> (<i>Monieziosis</i>)</b>	<b>271</b>
1. Sán dây <i>Moniezia</i> ký sinh ở gia súc nhai lại	271
2. Bệnh sán dây <i>Moniezia</i> ở gia súc nhai lại	276
Tài liệu tham khảo	287
<b>BỆNH SÁN LÁ GAN Ở TRÂU, BÒ, DÊ (<i>Fasciolopsis</i>)</b>	<b>289</b>
1. Sán lá <i>Fasciola</i> ký sinh ở trâu, bò và dê	289
2. Bệnh sán lá <i>Fasciola</i>	295
Tài liệu tham khảo	309
<b>BỆNH TIÊN MAO TRÙNG (<i>Trypanosomosis</i>)</b>	<b>311</b>
1. Tiên mao trùng <i>Trypanosoma</i> ở trâu, bò	311
2. Bệnh tiên mao trùng	315
Tài liệu tham khảo	328

## LỜI NÓI ĐẦU

Ký sinh trùng phân bố rất rộng trong thiên nhiên. Hiện tượng ký sinh (Parasitism) là hiện tượng sinh vật này sống trên sinh vật kia, giữa hai cơ thể một bên được lợi, còn bên kia bị hại. Thường thì vật ký sinh gây bệnh cho vật chủ, rất ít khi vật chủ không phát bệnh. Khi vật ký sinh sống trong cơ thể vật chủ thì vật chủ trở thành nguồn phát tán bệnh. Nét đặc trưng phân biệt giữa vật ký sinh với vật sống tự do là mối quan hệ với môi trường bên ngoài. Động vật sống tự do trực tiếp liên hệ với môi trường bên ngoài, chịu tác động của khí hậu, thổ nhưỡng và các yếu tố sinh học; còn động vật ký sinh phụ thuộc vào vật chủ, thông qua sự tiếp xúc của vật chủ với môi trường bên ngoài.

Việt Nam là nước nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. Do điều kiện thời tiết khí hậu thuận lợi cho sự tồn tại, phát triển của nhiều loài sinh vật, mà nước ta có khu hệ động - thực vật rất đa dạng, phong phú. Đây cũng là điều kiện thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển của vô số giống, loài ký sinh trùng ở ngoại cảnh, để rồi chúng từ ngoại cảnh xâm nhập ký chủ và gây bệnh.

Khác với bệnh do vi khuẩn và vi rút gây ra, bệnh ký sinh trùng không làm cho gia súc, gia cầm ốm và chết hàng loạt với tốc độ lây lan nhanh, song bệnh ký sinh trùng thường diễn ra ở thể mãn tính, làm cho vật nuôi còi cọc, chậm lớn, giảm khả năng sinh sản, giảm sức đề kháng và dễ mắc các bệnh khác. Vì vậy, bệnh ký sinh trùng đã và đang gây tác hại lớn đối với sức khỏe vật nuôi, gây thiệt hại lớn về kinh tế cho các cơ sở chăn nuôi tập trung và chăn nuôi gia đình.

Sau nhiều năm nghiên cứu về lĩnh vực ký sinh trùng thú y, chúng tôi đã tổng kết được những giống loài ký sinh trùng và bệnh phổ biến do chúng gây ra cho gia cầm, lợn và loài nhai lại ở Việt Nam nói chung và các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nói riêng. Những bệnh ký sinh trùng thường gặp ở gia cầm, lợn và loài nhai lại được trình bày trong cuốn sách chuyên khảo này là sự tổng hợp các kiến thức kinh điển, các kiến thức mới, những kết quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, những kết quả nghiên cứu của chúng tôi trong nhiều năm qua.

Thông qua cuốn sách chuyên khảo này, tác giả mong muốn gửi tới các nghiên cứu sinh, các học viên cao học, các em sinh viên và bạn đọc những tâm huyết của bản thân với sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Hy vọng cuốn sách có thể giúp ích cho các nhà khoa học tương lai về lĩnh vực ký sinh trùng học thú y.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã rất cố gắng, song cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Tác giả mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tác giả  
PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Lan





## MỞ ĐẦU

Theo Trịnh Văn Thịnh và cs (1978), sự phân bố theo vùng của các loài ký sinh trùng quyết định phần lớn tình hình nhiễm bệnh ký sinh trùng ở gia súc và gia cầm. Ngoài ra còn phải kể đến các điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, thức ăn, vệ sinh thức ăn nước uống và chuồng trại cũng ảnh hưởng đến sức chống đỡ của gia súc, gia cầm đối với ký sinh trùng.

Như vậy, theo Trịnh Văn Thịnh, điều kiện tự nhiên và xã hội có ảnh hưởng tới sự tồn tại và phát triển của ký sinh trùng, do đó ảnh hưởng đến sự cảm nhiễm ký sinh trùng ở gia súc và gia cầm.

Các tỉnh miền Bắc Việt Nam đều nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm hai mùa rõ rệt: Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 với đặc trưng là nóng ẩm, mưa nhiều. Mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, thời tiết khô và lạnh do các đợt gió lạnh từ đông bắc tràn xuống. Số giờ nắng trong năm giảm dần từ vùng đồng bằng lên miền núi do ảnh hưởng của địa hình. Độ ẩm của không khí cũng thay đổi theo mùa. Mùa mưa, độ ẩm không khí cao (có thể tới trên 90%); mùa khô, độ ẩm không khí thấp (có khi 50 - 60%).

Các tỉnh miền Nam nước ta cũng có hai mùa: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, là mùa nóng ẩm, mưa nhiều. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, là mùa ít mưa nhưng không lạnh.

Sự khác nhau về địa hình, đất đai, thời tiết khí hậu dẫn đến sự khác nhau về khu hệ động thực vật giữa các vùng.

Các tỉnh thuộc vùng đồng bằng có địa hình bằng phẳng hơn so với các tỉnh miền núi, mùa mưa thì nóng ẩm nhiều hơn, nhưng mùa khô thì cũng đỡ lạnh hơn. Mặt khác, vùng đồng bằng có nhiều nơi đất trũng, tạo thành nhiều ao, ruộng, sông, hồ. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển của các loài ký chủ trung gian của sán lá. Ngược lại, các tỉnh miền núi có địa hình phức tạp, vùng thì núi non hiểm trở, vùng lại lượn sóng nhấp nhô xen kẽ những thung lũng nhỏ hẹp, vùng thì có nhiều đồi thoai thoai kế tiếp nhau. Kiểu địa hình này chiếm đến 3/4 diện tích, còn lại là một số vùng có địa hình tương đối bằng phẳng. Độ cao và tính chất phức tạp của địa hình tăng dần từ vùng đồng bằng lên miền núi. Sự khác nhau về địa hình gắn liền với chế độ nhiệt, độ ẩm dẫn đến sự khác nhau về khí hậu giữa các vùng. Vùng núi có ít ao, hồ và những chỗ nước đọng hơn nên tỷ lệ nhiễm giun sán, đặc biệt là sán lá thấp hơn các tỉnh vùng đồng bằng.

Đặc điểm kinh tế xã hội của các tỉnh thuộc vùng đồng bằng và vùng núi cũng khác nhau. Các tỉnh miền núi có thành phần dân tộc tương đối đa dạng, mỗi dân tộc đều có tập quán riêng về sinh hoạt và sản xuất, trình độ canh tác và tập quán chăn nuôi cũng có

những đặc điểm riêng. Ở các tỉnh, bà con nông dân đều chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô nhỏ: từ vài con đến vài chục con trâu, bò, dê; lợn; từ vài chục đến vài trăm con gà... Tuy nhiên, ở một số nơi, phương thức chăn nuôi còn nhỏ lẻ, chưa có quy mô tập trung đồng bộ, chuồng nuôi tạm bợ, chăn nuôi theo hình thức thả thả và tận dụng thức ăn sẵn có trong tự nhiên, thức ăn bổ sung hầu như không có, vấn đề phòng trị bệnh ký sinh trùng hầu như chưa được quan tâm và đề cập đến.

Điều kiện tự nhiên và đặc điểm kinh tế, xã hội như trên có ảnh hưởng rất lớn tới sự phân bố và phát triển của ký sinh trùng. Đó chính là những nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp làm cho tỷ lệ cảm nhiễm bệnh ký sinh trùng của gia súc và gia cầm rất cao.

Biện pháp hữu hiệu để phòng chống bệnh ký sinh trùng ở gia súc, gia cầm là biện pháp phòng chống tổng hợp. Ở những vùng sinh thái nhất định phải đồng thời sử dụng nhiều biện pháp có hiệu quả đối với tất cả các giai đoạn phát triển của ký sinh trùng ở ngoại cảnh, ở vật chủ trung gian, ở vật chủ cuối cùng.

Khâu quan trọng trong biện pháp phòng chống tổng hợp là dùng thuốc diệt ký sinh trùng trên cơ thể gia súc, gia cầm. Trong cùng một cơ thể vật chủ có thể đồng thời tồn tại nhiều loài ký sinh trùng, nhiều cá thể ký sinh trùng ở các giai đoạn phát triển khác nhau. Vì vậy, tốt nhất là chọn thuốc có phổ tác dụng rộng, có tác dụng với ký sinh trùng ở nhiều giai đoạn phát triển nhằm cùng lúc diệt được nhiều loài ký sinh trùng, diệt được cả ký sinh trùng còn non và ký sinh trùng trưởng thành. Ngoài ra, các biện pháp tăng cường vệ sinh thú y chuồng nuôi, thức ăn nước uống, bãi chăn thả, xử lý phân bằng phương pháp ủ nhiệt sinh học, diệt ký chủ trung gian của ký sinh trùng, tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý vật nuôi... là các biện pháp hữu hiệu làm giảm sự ô nhiễm mầm bệnh ký sinh trùng ở ngoại cảnh, giảm tỷ lệ và cường độ nhiễm ký sinh trùng ở vật nuôi.